

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

NGUYỄN TẤN CUNG

PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN
HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

Chuyên ngành: Kinh tế phát triển

Mã số: 60.31.01.05

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ
KINH TẾ PHÁT TRIỂN

Đà Nẵng – Năm 2016

Công trình được hoàn thành tại

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: TS. NGUYỄN HIỆP

Phản biện 1: TS. Nguyễn Trung Kiên

Phản biện 2: TS. Hồ Đình Bảo

Luận văn đã được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ Kinh tế phát triển họp tại Đák Lắk vào ngày 17 tháng 9 năm 2016.

Có thể tìm hiểu Luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Nông nghiệp là ngành có vai trò quan trọng trong nền kinh tế quốc dân. Sản xuất nông nghiệp cung cấp các sản phẩm thiết yếu cho xã hội. Trong quá trình công nghiệp hóa, nông nghiệp cung cấp vốn, lao động, nguyên liệu, các yếu tố đầu vào...cho công nghiệp và ngành kinh tế khác. Ở Việt Nam, nông nghiệp là ngành sản xuất vật chất cơ bản, hiện có 80% dân cư và trên 70% lực lượng lao động xã hội sống ở nông thôn, trong đó có hơn 80% lực lượng lao động làm việc trong nông nghiệp, thu nhập chủ yếu dựa vào nông nghiệp. Vì thế, nông nghiệp phát triển thì nền kinh tế mới có thể phát triển. Việc chuyển nền nông nghiệp từ tình trạng sản xuất nhỏ, mang nặng tính chất tự cung tự cấp, độc canh và thuần nông, sang một nền nông nghiệp hàng hóa nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường, định hướng XHCN, là một vấn đề có ý nghĩa quyết định trong việc phát triển KT - XH ở nước ta hiện nay.

Về tiềm năng kinh tế, Đắk Nông là một tỉnh có thể mạnh phát triển cây công nghiệp, du lịch, khai khoáng. Nền kinh tế của tỉnh nhìn chung trong những năm qua phát triển chậm, cơ cấu kinh tế mang nặng tính thuần nông, thu nhập ngân sách hàng năm đạt thấp, GDP đầu người đạt thấp so với bình quân cả nước (30,6 triệu đồng/năm), đời sống của người dân còn hết sức khó khăn. Song dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo điều hành của cấp ủy đảng, chính quyền các cấp và sự cố gắng nỗ lực vươn lên của nhân dân các dân tộc tỉnh nhà nền kinh tế có nhiều chuyển biến tích cực, an ninh, chính trị được ổn định, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo, đời sống văn hoá tinh thần của đại bộ phận nhân dân được nâng lên.

Đắk Song là một trong tám đơn vị hành chính cấp huyện trong tỉnh Đắk Nông, cách thị xã Gia Nghĩa 38 km về phía Bắc, trên quốc lộ 14 theo hướng đi Buôn Ma Thuột. Trung tâm của huyện là thị trấn Đức An. Cũng như các huyện, thị khác trong tỉnh, đặc trưng về phát triển kinh tế của huyện Đắk Song cũng dựa vào nông nghiệp là chủ yếu, mà cụ thể nhất là trồng cây công nghiệp hàng năm và cây công nghiệp lâu năm. Trong những năm gần đây, với giá cả của mặt hàng hồ tiêu đang tăng đều và khá ổn định thì bộ mặt kinh tế xã hội của Đắk Song nói chung và một số xã như: Nam Njang, Đắk NRung... có những thay đổi tích cực, có thể nói Đắk Song đang là vựa tiêu lớn nhất của tỉnh, đời sống vật chất của người dân đang dần được cải thiện và ngày càng nâng cao và hiện tại chính quyền đang xúc tiến thực hiện đề án phát triển bền vững cây hồ tiêu tại Đắk Song. Tuy nhiên, cơ hội đã và đang thấy tại Đắk Song thì song song với nó là những thách thức không nhỏ đòi hỏi các nhà quản lý của địa phương cần phải có các chính sách hợp lý để giải quyết, cụ thể như: tình trạng khai phá, lấn chiếm đất rừng để làm rẫy; tự phát nhân rộng diện tích cây hồ tiêu ồ ạt không theo định hướng; giá đất rẫy tại các xã tăng đột biến làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh xã hội tại địa phương...

Phát triển nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Nông nói chung, huyện Đắk Song nói riêng là một vấn đề cấp thiết, nổi lên hàng đầu nhằm phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa; thực hiện mục tiêu không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân, nhất là người dân sống ở nông thôn; tạo sự chuyển biến nhanh hơn đối với các vùng khó khăn; xây dựng nông nghiệp của huyện phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa; thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 7 (khóa X) về nông nghiệp,

nông dân và nông thôn. Vì vậy, để tiếp tục nâng cao vai trò và thúc đẩy PTNN huyện Đắk Song trong những năm tới đòi hỏi huyện cần thiết phải nghiên cứu các giải pháp có tính khoa học và thực tiễn cao nhằm đưa nông nghiệp của huyện phát triển.

Từ những lý do trên, tác giả chọn đề tài "***Phát triển nông nghiệp huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông***" để làm luận văn thạc sĩ kinh tế nhằm tìm hiểu thực trạng tình hình phát triển sản xuất nông nghiệp và kịp thời đóng góp một phần những đòi hỏi của thực tế PTNN huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông trong những năm tới.

2. Mục tiêu nghiên cứu

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

a. Đối tượng nghiên cứu

b. Phạm vi nghiên cứu

4. Phương pháp nghiên cứu

5. Bố cục của đề tài

- Chương 1: Một số vấn đề lý luận về phát triển nông nghiệp.
- Chương 2: Thực trạng phát triển nông nghiệp huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông thời gian qua
- Chương 3: Giải pháp phát triển nông nghiệp huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông thời gian tới.

6. Tổng quan tài liệu nghiên cứu

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP

1.1. KHÁI QUÁT VỀ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP

1.1.1. Một số khái niệm

a. Nông nghiệp

b. Phát triển

c. Phát triển nông nghiệp

d. Mối quan hệ giữa tăng trưởng và phát triển nông nghiệp

1.1.2. Đặc điểm của sản xuất nông nghiệp

- Sản xuất nông nghiệp có tính vùng.

- Ruộng đất là tư liệu sản xuất chủ yếu.

- Đối tượng của SXNN là cây trồng và vật nuôi.

- SXNN mang tính thời vụ cao.

1.1.3. Ý nghĩa của phát triển nông nghiệp

a. Phát triển nông nghiệp góp phần phát triển thị trường hàng hóa

b. Phát triển nông nghiệp góp phần tăng trưởng nền kinh tế ổn định

c. Phát triển nông nghiệp góp phần xoá đói, giảm nghèo và bảo đảm an ninh lương thực

d. Phát triển nông nghiệp góp phần phát triển nông thôn

1.2. NỘI DUNG CỦA PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP

1.2.1. Phát triển số lượng các cơ sở sản xuất nông nghiệp

a. Số lượng các cơ sở sản xuất nông nghiệp

Phát triển số lượng các cơ sở SXNN nhằm góp phần tạo ra nhiều sản phẩm đáp ứng nhu cầu sử dụng của người dân và yêu cầu ngày càng cao của thị trường, nâng cao mức sống cho người lao động và góp phần phát triển nền kinh tế - xã hội.

b. Các tiêu chí về gia tăng các cơ sở sản xuất nông nghiệp

- Số lượng các cơ sở sản xuất qua các năm.
- Mức tăng và tốc độ tăng của các cơ sở sản xuất.

1.2.2. Chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp hợp lý

Nền nông nghiệp có cơ cấu sản xuất hợp lý khi chuyển dịch theo các xu hướng sau:

- Tăng tỷ trọng chăn nuôi, dịch vụ nông nghiệp, giảm tỷ trọng ngành trồng trọt.

- Giảm dần diện tích cây lương thực, tăng diện tích cây ăn quả, cây rau, cây công nghiệp.

- Sử dụng các giống mới có năng suất, chất lượng; chuyển dịch sang đàn vật nuôi có giá trị kinh tế cao, có thị trường tiêu thụ ổn định thay cho những vật nuôi có giá trị kinh tế thấp.

Các tiêu chí đánh giá chuyển dịch cơ cấu SXNN

- Nhóm tiêu chí phản ánh cơ cấu kết quả sản xuất.
- Nhóm chỉ tiêu phản ánh sự chuyển dịch cơ cấu các nguồn

lực.

1.2.3. Gia tăng việc sử dụng các yếu tố nguồn lực

a. Đất đai được sử dụng trong nông nghiệp

b. Lao động nông nghiệp

c. Vốn trong nông nghiệp

d. Cơ sở vật chất - kỹ thuật nông nghiệp

e. Công nghệ sản xuất trong nông nghiệp

g. Tiêu chí đánh giá gia tăng việc sử dụng các yếu tố nguồn

lực

1.2.4. Nâng cao trình thâm canh trong nông nghiệp

Có hai phương thức sản xuất cơ bản trong nông nghiệp, đó là quảng canh và thâm canh.

Các tiêu chí để đánh giá trình độ thâm canh trong nông nghiệp:

- Mức đầu tư trên đơn vị diện tích đất nông nghiệp và trên lao động nông nghiệp.
- Diện tích đất trồng trọt được tưới, tiêu bằng hệ thống thủy lợi.
- Diện tích đất trồng trọt được cày máy.
- Số lượng máy kéo, máy gặt sử dụng trong SXNN.
- Tỷ lệ tổn thất sau thu hoạch của mỗi loại sản phẩm.
- Năng suất cây trồng, vật nuôi.
- Năng suất lao động xã hội của ngành nông nghiệp.

1.2.5. Phát triển các hình thức liên kết kinh tế tiến bộ

1.2.6. Gia tăng kết quả sản xuất nông nghiệp

Các tiêu chí đánh giá sự gia tăng và mức độ gia tăng kết quả SXNN:

- Sự gia tăng và mức gia tăng trong việc đóng góp cho nhà nước.
- Sự gia tăng và mức gia tăng trong việc tích lũy cho các cơ sở sản xuất.
- Sự gia tăng và mức gia tăng trong việc cải thiện đời sống người lao động.
- Mức gia tăng, tốc độ tăng của khối lượng sản phẩm hàng hóa cung cấp cho xã hội.

1.2.7. Mở rộng thị trường trong sản xuất nông nghiệp

- Đẩy mạnh việc xây dựng các hợp tác xã tiêu thụ nông lâm sản. Xúc tiến tìm kiếm và giới thiệu thị trường nông lâm sản trong và ngoài nước cho các trang trại, tránh tình trạng ép giá của tư thương ở địa phương. Bảo lãnh ký kết hợp đồng tiêu thụ sản phẩm giữa hộ sản

xuất, các trang trại với các nhà máy chế biến nông lâm sản, ký các hợp đồng tiêu thụ với khách hàng, doanh nghiệp, ký kết hợp đồng hợp tác với các công ty chế biến, công ty thương mại.

1.3. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP

1.3.1. Nhân tố điều kiện tự nhiên

a. Điều kiện đất đai

b. Điều kiện khí hậu

c. Nguồn nước

1.3.2. Nhân tố điều kiện xã hội

a. Dân tộc

b. Dân số

c. Truyền thống

d. Dân trí

1.3.3. Nhân tố điều kiện kinh tế

a. Tình trạng nền kinh tế

b. Thị trường

c. Các chính sách về nông nghiệp

d. Phát triển cơ sở hạ tầng nông nghiệp, nông thôn

1.4. KINH NGHIỆM PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP Ở MỘT SỐ ĐỊA PHƯƠNG

1.4.1. Kinh nghiệm phát triển nông nghiệp ở TP Đà Nẵng

+ Thúc đẩy nông nghiệp phát triển theo hướng một thành phố phát triển, thành phố công nghiệp, thương mại, du lịch, dịch vụ.

+ Coi trọng chính sách kinh tế vĩ mô và khoa học kỹ thuật.

+ Thành phố tập trung chú trọng đến yếu tố con người

+ Phát triển nông nghiệp đô thị gắn với du lịch sinh thái.

+ Xây dựng và phát triển các thư viện, thư viện điện tử.

1.4.2. Kinh nghiệm phát triển nông nghiệp ở Đắk Lắk

Thứ nhất, chú trọng hiệu quả trong phát triển, sản xuất nông nghiệp.

Thứ hai, có sự định hướng đúng đắn của chính quyền địa phương, cũng như việc hỗ trợ tối đa các nguồn lực cho phát triển nông nghiệp.

Thứ ba, chú trọng việc mở rộng thị trường cho các mặt hàng nông nghiệp của địa phương...

1.4.3. Kinh nghiệm phát triển nông nghiệp ở tỉnh Khánh Hòa

Khánh Hòa đang tập trung phát triển nông nghiệp ổn định và bền vững với các biện pháp:

Thứ nhất, hợp tác phát triển nông, lâm nghiệp với thành phố Hồ Chí Minh trên nhiều nội dung.

Thứ hai, có chính sách hỗ trợ, đầu tư để đón đầu công nghệ.

Thứ ba, xây dựng mô hình du lịch nông nghiệp.

Thứ tư, định hướng sản xuất nông nghiệp gắn với sử dụng hiệu quả vốn kích cầu của Chính phủ.

Thứ năm, đầu tư phát triển ngành thủy sản với quy mô lớn theo hướng sản xuất hàng hóa.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG THỜI GIAN QUA

2.1. TÌNH HÌNH CƠ BẢN CỦA HUYỆN ĐẮK SONG ẢNH HƯỞNG ĐẾN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP

2.1.1. Đặc điểm điều kiện tự nhiên

a. Vị trí địa lý, địa hình, khí hậu

- * Vị trí địa lý
- * Địa hình, địa mạo
- * Khí hậu
- * Thủy văn

b. Các nguồn tài nguyên

- * Tài nguyên đất
- * Tài nguyên rừng
- * Tài nguyên khoáng sản
- * Tài nguyên nhân văn

c. Thực trạng môi trường.

d. Nhận xét chung về điều kiện tự nhiên, tài nguyên và môi trường

- * Thuận lợi:
- * Khó khăn:

2.1.2. Điều kiện kinh tế

a. Chỉ tiêu về kinh tế

b. Chỉ tiêu về xã hội

c. Cơ cấu kinh tế

- * Khu vực kinh tế nông nghiệp
- * Khu vực kinh tế công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp - Xây dựng

* Khu vực kinh tế dịch vụ

d. Thị trường các yếu tố đầu vào và tiêu thụ nông sản

- Đối với thị trường đầu vào

- Đối với thị trường đầu ra.

e. Tình hình thực hiện các chính sách về nông nghiệp

- Chính sách đất đai.

- Chính sách đầu tư, tín dụng

- Chính sách về lao động, giải quyết việc làm

- Chính sách khuyến nông

2.2. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HUYỆN ĐẮK SONG

2.2.1. Thực trạng phát triển số lượng các cơ sở sản xuất nông nghiệp

Phát triển số lượng các cơ sở sản xuất trong nông nghiệp luôn là mục tiêu chiến lược về phát triển nông nghiệp ở các địa phương, đây là tiêu chí để đánh giá tình hình phát triển nông nghiệp, là lợi thế để so sánh trong việc chuyển dịch cơ cấu trong nền kinh tế.

Bảng 2.3. Số lượng cơ sở sản xuất nông nghiệp thời gian qua

Năm	Hộ gia đình	Trang trại	Hợp tác xã	Doanh nghiệp
2010	11.210	538	168	4
2011	13.112	124	145	4
2012	13.458	124	135	4
2013	14.122	135	135	4
2014	15.145	247	98	4

(Nguồn: Niên giám thống kê huyện Đắk Song năm 2014)

a. Số lượng kinh tế hộ gia đình

b. Số lượng kinh tế trang trại

c. Số lượng hợp tác xã

d. Số lượng doanh nghiệp nông nghiệp

2.2.2. Thực trạng chuyển dịch cơ cấu trong sản xuất nông nghiệp

Bảng 2.4. Tình hình chuyển dịch cơ cấu trong nông nghiệp

TT	Chỉ tiêu	Năm				
		2010	2011	2012	2013	2014
1	Trồng trọt (%)	92,14	89,26	91,62	93,58	94,66
2	Chăn nuôi (%)	6,23	5,42	5,96	4,79	3,22
3	Dịch vụ nông nghiệp (%)	1,63	5,32	2,42	1,63	2,12
	Tổng	100	100	100	100	100

(Nguồn: Niên giám thống kê huyện Đắk Song năm 2014)

2.2.3. Thực trạng việc sử dụng các yếu tố nguồn lực

a. Đất đai

Nhìn chung, tình hình sử dụng đất đai trong nông nghiệp huyện Đắk Song tăng về diện tích đất SXNN, diện tích đất SXNN bình quân và giá trị sử dụng đất.

b. Lao động

Nhìn vào bảng có thể thấy tổng số lao động trong huyện tăng dần đều qua các năm và lao động trong SXNN cũng tăng dần, từ đó dẫn đến tỷ lệ lao động trong SXNN so với tổng lao động gần như ổn định qua các năm. Tuy nhiên, lao động qua đào tạo có tăng nhưng không đáng kể, từ đó có thể thấy người nông dân vẫn đang duy trì lối

sản xuất theo kinh nghiệp là chủ yếu, chưa dám mạnh dạn trong việc áp dụng khoa học công nghệ trong ngành nông nghiệp, vì vậy cần phải có định hướng của các ngành chức năng trong tỉnh nói chung và của huyện Đắk Song nói riêng vào cuộc.

**Bảng 2.6. Tình hình sử dụng lao động trong SXNN huyện
Đắk Song thời gian qua**

TT	Chi tiêu	Năm				
		2010	2011	2012	2013	2014
1	Tổng lao động (người)	35.914	37.259	41.728	43.692	44.984
2	Lao động NN (người)	33.279	34.523	38.666	40.486	41.482
3	Tỷ lệ LĐNN (%)	92,66	92,65	92,66	92,66	82,21
4	LĐ qua đào tạo (người/năm)	130	139	215	415	627

(Nguồn: Niên giám thống kê huyện Đắk Song năm 2014)

c. Vốn đầu tư

Nguồn vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước vào SXNN giai đoạn 2010-2014 chủ yếu từ Trung ương, tỉnh qua các chương trình 134, 135... Riêng chi thường xuyên cho SXNN của huyện qua các năm luôn tăng dần, theo số liệu của Phòng Tài chính huyện trung bình từ 0,8 đến 1,2 tỷ; về đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ cho sản SXNN cũng tăng dần qua các năm, dao động từ 19 đến khoảng 20 tỷ/năm. Từ đó cho thấy chính quyền các cấp cũng như của huyện Đắk Song cũng đã nhìn thấy tiềm năng về phát triển nông nghiệp của địa phương nên có sự đầu tư tương đối ổn định vào lĩnh vực này.

Bảng 2.7. Tình hình vay vốn tín dụng của nông dân huyện Đăk Song thời gian qua

TT	Chỉ tiêu	Năm				
		2010	2011	2012	2013	2014
1	Vay NH nông nghiệp và PTNT(triệu đồng)	156.554	162.122	165.123	186.355	200.233
	Số hộ vay (hộ)	10.338	12.455	12.666	15.132	31.224
22	Vay NH chính sách xã hội (triệu đồng)	109.856	142.538	179.021	202.433	232.707
	Số hộ vay (hộ)	6.943	7.976	7.104	10.083	10.880

(Nguồn: Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn và Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Đăk Song)

d. Cơ sở vật chất kỹ thuật trong nông nghiệp

e. Khoa học và công nghệ

2.2.4. Thực trạng trình độ thâm canh trong nông nghiệp

Tình hình thâm canh trong nông nghiệp huyện Đăk Song thời gian qua đã từng bước cải thiện nên đã góp phần đưa năng suất và sản lượng các loại cây trồng tăng lên. Tuy nhiên, chỉ có ngô và khoai lang là có mức tăng tương đối, còn các loại cây khác năng suất tăng không đáng kể.

Những năm gần đây, do giá cả các mặt hàng nông sản lâu năm như: tiêu, cà phê, cao su... tăng nhanh và ổn định nên người dân tự phát phá bỏ hoặc chuyển đổi diện tích các loại cây trồng hàng năm để đầu tư trồng các loại nông sản lâu năm.

2.2.5. Thực trạng phát triển các hình thức liên kết kinh tế tiên bộ

2.2.6. Thực trạng kết quả sản xuất nông nghiệp

2.2.7. Thực trạng mở rộng thị trường trong sản xuất nông nghiệp

2.3. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HUYỆN ĐẮK SONG

2.3.1. Thành công và hạn chế

a. Thành công

- Diện tích đất dành cho SXNN ngày càng tăng, các loại cây trồng chủ lực mang lại lợi nhuận cao ngày càng được nhân rộng, cụ thể là cây hồ tiêu.

- Cơ cấu các ngành trong nông nghiệp đã có hướng chuyển dịch phù hợp, cơ cấu trồng trọt có xu hướng giảm, cơ cấu chăn nuôi và dịch vụ bắt đầu có xu hướng tăng.

- Chính quyền địa phương rất quan tâm đến việc phát huy các nguồn lực sẵn có, tranh thủ các nguồn vốn để đầu tư phát triển nông nghiệp, chú trọng áp dụng khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp.

- Thâm canh sản xuất đã góp phần đưa năng suất và sản lượng cây trồng ngày càng tăng.

- Sản xuất nông nghiệp tăng ổn định, tạo việc làm, góp phần nâng cao thu nhập cho lao động, duy trì cuộc sống của nhân dân.

b. Hạn chế

- Số lượng HTX, trang trại, các doanh nghiệp quá ít, giá trị SXNN chủ yếu do kinh tế hộ tạo ra nên chưa thúc đẩy nông nghiệp phát triển một cách bền vững.

- Cơ cấu GTSX ngành chăn nuôi có xu hướng tăng chậm, tỷ

trọng thấp nên chưa thúc đẩy nông nghiệp tăng trưởng.

- Tình trạng người dân tự phát nhân rộng diện tích trồng khoai lang, cao su, hồ tiêu trong thời gian qua làm cho các ngành chức năng khó kiểm soát, từ đó khó có chính sách bảo hộ giá nông sản cho người dân, dễ xảy ra tình trạng cung vượt cầu đối với các mặt hàng nông sản trên.

- Với thế mạnh của huyện là phát triển cây hồ tiêu, vì vậy các hộ dân từ các địa phương khác đến thuê, mua đất với nhu cầu rất lớn, với giá cả đất đai ngày càng sốt, dễ dẫn đến tình trạng phá rừng là rẫy, nhất là rừng phòng hộ, về lâu dài sẽ làm giảm lượng nước tưới, an ninh trật tự địa phương phức tạp...

- Các cơ sở sản xuất chưa tạo được sự liên kết chặt chẽ, hỗ trợ nhau trong sản xuất tiêu thụ sản phẩm.

- Giống cây trồng có năng suất, chất lượng cao chưa được sử dụng đại trà, phổ biến kịp thời, người dân chưa có trình độ để nhận biết cũng như tiếp cận các giống cây có chất lượng, trong khi đó cơ quan chức năng của huyện còn hạn chế về số và cả về lượng nên khó giúp được cho người dân.

- Việc tiếp cận thị trường chưa được quan tâm, nhất là các hộ sản xuất nông nghiệp.

2.3.2. Nguyên nhân của các hạn chế

Nguyên nhân thứ nhất, các nội dung của phát triển nông nghiệp chưa hoàn thiện:

- Số lượng các cơ sở SXNN trên địa bàn chưa đủ lớn, số lượng trang trại nông nghiệp, doanh nghiệp nông nghiệp, hợp tác xã và nông trường...còn quá ít, chủ yếu là kinh tế hộ với quy mô sản xuất nhỏ, thiếu vốn, trình độ, năng lực tổ chức sản xuất hạn chế.

- Cơ cấu SXNN chưa hợp lý, chuyển dịch cơ cấu trong nông

ng nghiệp còn chậm, chăn nuôi chiếm tỷ trọng thấp.

- Quy mô sử dụng các nguồn lực trong nông nghiệp còn khiêm tốn. Tỷ lệ đất SXNN nhỏ, các chỉ tiêu về năng suất, hệ số sử dụng đất và diện tích đất canh tác bình quân trên hộ thấp, vốn đầu tư của ít, khả năng thu hút vốn chậm. Lao động nông nghiệp còn có tập quán sản xuất lạc hậu, lao động qua đào tạo ít.

- Trình độ thâm canh trong nông nghiệp thấp, cơ sở vật chất phục vụ nông nghiệp còn thiếu, xuống cấp, giống vật nuôi, cây trồng bố trí chưa phù hợp, công tác vận động, tuyên truyền sử dụng giống mới, kỹ thuật mới vẫn còn hạn chế.

- Liên kết trong SXNN còn rất nhiều hạn chế. Các cơ sở sản xuất chưa có liên kết kinh tế tiến bộ phù hợp.

- Công tác thu hoạch, chế biến, bảo quản và tiêu thụ nông sản chưa được quan tâm, công tác khuyến nông, phòng trừ sâu, dịch bệnh còn hạn chế.

Nguyên nhân thứ 2: Các ngành chức năng, chính quyền địa phương chưa làm tốt công tác quản lý, vận động tuyên truyền cũng như định hướng cho người dân về mở rộng hoặc thu hẹp diện tích cây trồng để đạt hiệu quả cao.

Nguyên nhân thứ ba, Công tác quản lý, điều hành, chỉ đạo các cấp còn bất cập. Cán bộ nông nghiệp còn thiếu và yếu về trình độ chuyên môn, chưa tận dụng hết tiềm năng và cơ hội để phát triển nông nghiệp. Chưa thực hiện và quản lý tốt PTNN theo quy hoạch phát triển KTXH huyện đến năm 2020.

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG TRONG THỜI GIAN TỚI

3.1. CĂN CỨ CHO VIỆC XÂY DỰNG GIẢI PHÁP

3.1.1 Sự biến động của môi trường ảnh hưởng đến phát triển nông nghiệp

a. Môi trường tự nhiên

b. Môi trường kinh tế

c. Môi trường xã hội

3.1.2. Quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của huyện Đăk Song

- Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao;
- Phân đấu giảm nghèo bền vững;
- Xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng nông thôn.

Nhằm phát triển kinh tế xã hội ổn định bền vững, quốc phòng , an ninh được giữ vững, an sinh xã hội được đảm bảo. Trong giai đoạn 2015 – 2020, Ban Chấp hành Đảng bộ tập trung lãnh đạo chỉ đạo các ngành triển khai thực hiện 04 đột phá trọng điểm sau:

Một là, Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội đồng bộ đặc biệt là thị trấn Đức An, phấn đấu đến năm 2020 thị trấn đạt tiêu chuẩn đô thị loại 4 và xã Năm N’Jang đạt tiêu chuẩn đô thị loại 5.

Hai là, Quy hoạch kêu gọi đầu tư vùng sản xuất nông nghiệp chất lượng cao với các sản phẩm có giá trị kinh tế, tạo kết nối giữa vùng sản xuất và thị trường tiêu thụ đặc biệt là các siêu thị trên địa bàn tỉnh.

Ba là, Tập trung đào tạo nguồn lực góp phần phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn huyện, ưu tiên đầu tư phát triển trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng kinh tế đặc biệt khó khăn.

Bốn là, Phát huy thế mạnh, tiềm năng, lợi thế cạnh tranh tập trung đầu tư phát triển du lịch.

3.1.3. Mục tiêu phát triển nông nghiệp của huyện giai đoạn 2015-2020

3.1.4. Định hướng phát triển nông nghiệp trong thời gian tới

Thứ nhất: Quan tâm đầu tư phát triển nông nghiệp theo hướng CNH – HĐH. Chú trọng việc phát triển nông nghiệp toàn diện theo hướng hiện đại, hiệu quả, bền vững. Chuyển dịch mạnh cơ cấu nông nghiệp theo hướng tạo ra giá trị gia tăng ngày càng cao, gắn với công nghiệp chế biến và thị trường; thực hiện cơ khí hóa, thủy lợi hóa, Phát triển nhanh ngành chăn nuôi theo phương thức công nghiệp, bán công nghiệp với công nghệ tiên tiến. Đẩy mạnh phát triển chăn nuôi gia súc gia cầm,...

Thứ hai: Tiếp tục xây dựng các công trình thủy lợi vừa và nhỏ, khai thác sử dụng có hiệu quả các công trình hiện có, từng bước kiên cố hóa kênh mương đáp ứng tốt nhu cầu tưới tiêu cho cây trồng.

Thứ ba: Tăng cường năng lực của hệ thống khuyến nông, bảo vệ thực vật, thú y. Tập huấn, bồi dưỡng nâng cao kiến thức khoa học kỹ thuật sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp tiên tiến, hiện đại cho người nông dân đảm bảo để nhân dân chăm sóc bảo vệ các diện tích cà phê, cao su, hồ tiêu hiện có.

3.2. CÁC GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN NỘI DUNG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HUYỆN ĐẮK SONG

3.2.1. Phát triển số lượng các cơ sở sản xuất nông nghiệp

a. Củng cố và nâng cao năng lực kinh tế hộ

b. Phát triển kinh tế trang trại

c. Phát triển hợp tác xã

d. Phát triển các doanh nghiệp nông nghiệp

3.2.2. Chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp hợp lý

Để phát triển nông nghiệp bền vững, huyện Đăk Song cần có biện pháp chuyển dịch cơ cấu hợp lý hơn.

Trong quá trình chuyển dịch cơ cấu cần quan tâm phân vùng để phát triển sản xuất trong nông nghiệp, như các xã Năm Njang, Đăk Nrung nên phát triển cây hồ tiêu, cà phê; các xã Thuận An, Thuận Hà, Đức An...có nhiều gió nên trồng các loại sắn, ngô hay khoai lang; các xã có đồi núi nên phát triển kinh tế trang trại, nhất là chăn nuôi bò, dê với quy mô lớn...

3.2.3. Gia tăng việc sử dụng các yếu tố nguồn lực

a. Về lao động trong nông nghiệp

b. Về nguồn vốn trong nông nghiệp

3.2.4. Tăng cường thâm canh trong nông nghiệp

- Thực hiện và quản lý tốt PTNN theo quy hoạch phát triển KTXH huyện đến năm 2020, triển khai quy hoạch xây dựng nông thôn mới.

- Thực hiện cơ giới hoá các khâu sử dụng nhiều lao động trong canh tác, khâu làm đất, gieo trồng, nhất là thu hoạch.

- Nâng cao công tác lập và thực hiện kế hoạch sản xuất nông nghiệp gắn với nhu cầu thị trường.

- Đẩy mạnh áp dụng tiến bộ khoa học - công nghệ vào sản xuất từng bước phù hợp với trình độ sản xuất của nông dân.

3.2.5. Lựa chọn các hình thức liên kết phù hợp

- Mô hình liên kết “4 nhà”: nhà nông, nhà doanh nghiệp, nhà khoa học, Nhà nước

- Mô hình liên kết giữa doanh nghiệp, ngân hàng với các hộ nông dân

- Mô hình liên kết giữa nông trường với hộ nông dân và tổ hợp tác

3.2.6. Gia tăng kết quả sản xuất nông nghiệp

Để gia tăng kết quả SXNN của huyện, cần phải lựa chọn các loại cây trồng, vật nuôi đáp ứng phù hợp với các đặc điểm về tự nhiên và kinh tế - xã hội theo từng vùng, từng xã và đáp ứng nhu cầu theo thị hiếu của thị trường.

Chú ý công tác thu hoạch và bảo quản (tỷ lệ thất thoát do khâu thu hoạch và bảo chiếm khá lớn) và chế biến nông sản. Nâng cao chất lượng nông sản, an toàn thực phẩm và sản xuất theo quy trình chuẩn, đáp ứng nhu cầu thị trường nông sản.

3.2.7. Mở rộng thị trường

- Để mở rộng thị trường tiêu thụ nông sản ở Đăk Song cần có sự hỗ trợ các cấp chính quyền địa phương về thông tin thị trường tiêu thụ sản phẩm; tạo điều kiện cho các chủ cơ sở sản xuất tham gia hội chợ, giới thiệu sản phẩm.

- Hạn chế đến mức thấp nhất và tiến tới triệt tiêu sự lũng đoạn của tư thương, chống lại những thủ đoạn ép giá nông sản.

- Nhà nước cần can thiệp kịp thời và có hiệu quả để bình ổn giá khi có biến động của thị trường làm giá cả nông sản giảm mạnh để giúp cho các cơ sở sản xuất giảm thiệt hại và hạn chế chặt phá, không tiếp tục nuôi trồng đến khi cầu các nông sản trên vượt cung thì không có để bán.

- Phát triển hệ thống thông tin về thị trường, tăng cường dự báo giúp các chủ cơ sở sản xuất có điều kiện tiếp cận.

- Phát triển cơ sở chế biến gắn với cơ sở SXNN theo quy hoạch sản xuất nguyên liệu.

- Tạo điều kiện để các hộ sản xuất nông sản hàng hóa từng

bước gắn kết các chợ đầu mối, các doanh nghiệp tiêu thụ.

- Khuyến khích người nuôi trồng tham gia và hoạt động trong các HTX, nông trường, doanh nghiệp để gắn kết sản xuất và tiêu thụ.

- Có sự định hướng và dự báo thị trường của các mặt hàng trong nông nghiệp cho người dân.

3.3. CÁC GIẢI PHÁP HOÀN THIÊN MÔI TRƯỜNG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HUYỆN ĐẮK SONG

3.3.1. Hoàn thiện nội dung thực thi chính sách đất đai

- Tiếp tục đổi mới quan hệ ruộng đất ở nông thôn theo hướng tích tụ, tập trung đất để tiến lên sản xuất lớn. Cần khuyến khích nông dân đầu tư vào đất để tăng giá trị sản xuất trên đất, từ đó tăng thu nhập.

- Cải cách thủ tục hành chính quản lý đất nhằm kích hoạt thị trường đất nông nghiệp. Cần có chính sách khuyến khích phát triển thị trường chuyển nhượng, cho thuê đất nông nghiệp theo hướng công khai, minh bạch, được Nhà nước bảo hộ nhằm hỗ trợ nông dân tích tụ, tập trung đất đạt quy mô hiệu quả.

- Đổi mới chính sách đất nông nghiệp theo hướng tăng vị thế của nông dân trong giao dịch đất.

- Xây dựng quy hoạch sử dụng đất của huyện để có cơ sở xây dựng kế hoạch sử dụng đất. Tăng cường kiểm tra xử lý các trường hợp vi phạm sử dụng đất. Có chính sách bảo vệ quỹ đất nông nghiệp, hạn chế chuyển đất nông nghiệp sang đất khác (đất đô thị, công nghiệp,...) trên địa bàn.

3.3.2. Hoàn thiện nội dung thực thi chính sách thuế

Thực hiện các chính sách miễn, giảm thuế của Chính phủ và các chính sách khuyến khích đầu tư của tỉnh trên địa bàn huyện đối với PTNN nông thôn, nhất là các chính sách ưu đãi về thuế đối với

các trang trại, doanh nghiệp nông nghiệp cũng như doanh nghiệp phục vụ nông nghiệp.

3.3.3. Chính sách phát triển nguồn nhân lực

Xây dựng chiến lược đào tạo nguồn nhân lực dài hạn ở địa bàn để có lực lượng lao động làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp chất lượng, linh hoạt, thích ứng được yêu cầu phát triển nông nghiệp. Có cơ chế, chính sách và đãi ngộ hợp lý, công khai để thu hút những cán bộ quản lý có trình độ và người lao động tham gia vào hoạt động SXNN.

3.4. KIẾN NGHỊ

3.4.1. Đối với Chính phủ

- Có chính sách hỗ trợ cho người dân nông thôn, nhất là khu vực miền núi, có đông dân tộc thiểu số sinh sống như Đắk Nông nói riêng về giáo dục, đào tạo, tập huấn... nhằm nâng cao trình độ dân trí cho khu vực nông thôn, đặc biệt là khu vực miền núi.

- Có các chính về thuế hợp lý đối với khu vực nông thôn và nhất là nông thôn miền núi.

- Chỉ đạo các ngành chức năng có các chính sách hoạch định, định hướng cho người nông dân để tránh tình trạng tự phát đầu tư ồ ạt, dẫn đến mất giá sản phẩm như một số loại nông sản trước đây tại khu vực Tây Nguyên: chanh dây, khoai mì, Cao su...

- Ưu tiên hơn nữa vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông nghiệp nông thôn.

- Chính phủ cần có chính sách hỗ trợ nông dân khi chuyển giao đất để chuyển đổi sinh kế, nghề nghiệp và việc làm mới.

- Ban hành chính sách hỗ trợ xây dựng mạng lưới tiêu thụ hàng nông sản, đăng ký thương hiệu sản phẩm...

- Có chính sách ưu tiên về cho các doanh nghiệp nông nghiệp

đầu tư vào địa bàn miền núi để họ tham gia giải quyết việc làm cho nông dân, cũng như lao động nông thôn được đào tạo nâng cao tay nghề...

- Các chính sách hỗ trợ nông dân, hợp tác xã, nhà khoa học, doanh nghiệp để đảm đương được các nhiệm vụ, vai trò của mình trong liên kết; các chế tài xử phạt để bảo vệ lợi ích của các bên liên kết nhằm đảm bảo liên kết được chặt chẽ và bền vững trong thời gian tới.

3.4.2. Đối với tỉnh Đắk Nông

- Chủ động trong việc định hướng nông dân trong SXNN, như trồng cây gì, nuôi con gì, diện tích canh tác..., tránh tình trạng tự phát của các hộ gia đình tham gia sản xuất.

- Tạo điều kiện để các hộ, các hợp tác xã, các doanh nghiệp tham gia SXNN tiếp cận các nguồn vốn ưu đãi trong nông nghiệp, nên thực hiện phân cấp quản lý ngân sách cho địa phương, cơ sở (cấp xã) để tăng tính tự chủ.

- Hỗ trợ thỏa đáng nông dân khi chuyển giao đất thực hiện các dự án công cộng để ổn định sản xuất sinh hoạt, chuyển đổi sinh kế, nghề nghiệp và việc làm mới với mục tiêu: *chỗ sinh sống và làm việc mới phải bằng hoặc hơn chỗ cũ*.

- Cần sớm hoàn thiện đề án phát triển cây hồ tiêu bền vững, để người dân địa phương tiếp cận khoa học kỹ thuật vào việc canh tác cây hồ tiêu, loại cây đang cho lợi nhuận rất cao của địa phương.

KẾT LUẬN

Sản xuất nông nghiệp chiếm vị thế quan trọng đối với phát triển kinh tế của tỉnh Đắk Nông nói chung và huyện Đắk Song nói riêng. Nông nghiệp giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân, nhất là người dân trực tiếp sản xuất ở khu vực nông thôn, giảm khoảng cách giàu nghèo giữa khu vực thành thị và nông thôn...

Kết quả nghiên cứu cho phép kết luận rằng huyện Đắk Song thời gian qua đã có nhiều nỗ lực đầu tư cơ sở vật chất, kết cấu hạ tầng nông thôn phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, phục vụ dân sinh, đầu tư vốn, trang thiết bị, máy móc, ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất, thu hoạch, bảo quản... đã được các ngành của huyện quan tâm, cũng như tìm kiếm thị trường đầu ra cho sản phẩm. Tuy nhiên, việc phát triển kinh tế nông nghiệp của huyện vẫn chưa tương xứng với tiềm năng sẵn có, vẫn còn nhiều vấn đề tồn tại cần giải quyết để phát triển nông nghiệp của huyện trong thời gian tới.

Để góp phần vào nỗ lực phát triển nông nghiệp của huyện, nghiên cứu này đã khảo sát và đề xuất được các giải pháp khác nhau, dựa trên một cơ sở lý luận về phát triển nông nghiệp phù hợp và những đánh giá thực trạng xác với hiện trạng của nền nông nghiệp huyện.

Tuy nhiên, luận văn cũng có một số hạn chế nhất định. Việc tập hợp, phân tích thực trạng chỉ dựa vào các số liệu nằm trong giới hạn của một huyện và cũng chỉ đặc thù là huyện chuyên canh tác các cây công nghiệp hàng năm, cây công nghiệp lâu năm... nên khó áp dụng rộng rãi cho các địa phương khác. Các phân tích dự báo còn chưa nhiều nên các giải pháp cần phải có sự vận dụng thích hợp tại từng thời điểm cụ thể trong tương lai.